

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T O
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **71 /2019/HS -ST**

Ngày 27/11/2019.

V/v: *N M H trộm cắp tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T O
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **NGUYỄN TIÊN HÙNG**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN HUY QUÝ**;

2. Bà **LƯU TỔ TÂM**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **LÊ VIỆT CƯỜNG**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T O, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T O tham gia phiên tòa:
Ông **NGUYỄN QUANG HÒA**, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T O, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện T O xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 75/2019/HSST ngày 15 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2019/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 11 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **N M H**, sinh năm 1970. Nơi đăng ký HKTT và nơi ở: thôn N M , xã P N A, huyện C M, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo, đảng phái: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/10; Con ông N V T, sinh năm 1935 và bà L T S (đã chết); vợ L T D, sinh năm 1977; con có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án: Không; danh chỉ bản số 194 lập ngày 21/9/2019 tại Công an huyện T O.

Tiền sự: Ngày 26/1/2019 bị UBND huyện C M ra quyết định xử phạt hành chính 750.000đ, về hành vi uống rượu bia say, có lời nói xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác(Chưa thi hành).

Nhân thân:

+ Ngày 26/6/2009 bị Công an xã P N A, huyện C M ra quyết định đưa đi cai nghiện bắt buộc thời hạn 2 năm, ngày 7/6/2011 UBND huyện C M ra quyết định áp dụng quản lý sau cai nghiện thời hạn 2 năm.

+ Ngày 10/9/2013. TAND huyện T O xử phạt 30 tháng tù giam, về tội: *Tàng trữ*

trái phép chất ma túy. Đến ngày 15/10/2015 chấp hành xong phạt tù về địa phương. Hiện đã được xoá án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T O từ ngày 19/9/2019 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* **Người bị hại:** Chị T T N và chồng là anh T V K, sinh năm 1981. Trú tại: thôn M K, xã P T, huyện T O, thành phố Hà Nội.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh N V H, sinh năm 1954. Trú tại: số nhà 80, phố V, xã D H, huyện T O, thành phố Hà Nội.

Người bị hại, người liên quan vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 17/9/2019, N M H - sinh năm 1971, trú tại thôn N M , xã P N A, huyện C M, TP. Hà Nội có ý định sang nhà người quen tên là D(không biết rõ họ, năm sinh) ở thôn Tân Dân II, xã P T, huyện T O để chơi nên H đi bộ ra đường để cách nhà mình khoảng 30m rồi đi nhờ xe máy của một thanh niên không quen biết đến đoạn dốc đồi C thuộc xã P T, huyện T O thì xuống xe, H tiếp tục đi bộ theo đường làng Chuông đi ra quốc lộ 21B. Khi đi qua khu vực trước cổng trường Mầm non P T I thuộc thôn M K, xã P T thì H phát hiện chiếc xe máy điện không có biển kiểm soát, không lắp gương, xe đã qua sử dụng, thân xe có ký hiệu 133S đang dựng ở trước cổng trường không có người trông coi, trên ổ khoá xe vẫn cắm chìa khoá xe. H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy điện mục đích đem bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, nên đi quay lại và quan sát xung quanh thấy không có người gần đó, H tiến lại gần xe mở chìa khoá và điều khiển xe đi nhanh theo hướng ra quốc lộ 21B rồi đem xe đến cửa hàng mua bán xe đạp điện của ông N V H, sinh năm 1954 ở số 82, phố V, xã Dân Hoà, huyện T O để bán xe, tại đây N M H đã thoả thuận bán cho ông N V H giá chiếc xe là 1.500.000đ. Sau khi giao xe và nhận tiền N M H đi về nhà và đem tiền sài cá nhân hết số tiền trên.

Ngày 18/9/2019, ông N V H tự nguyện giao nộp cho Công an huyện T O 01 xe máy điện màu đỏ đen, không biển kiểm soát, trên thân xe có ký hiệu 133S, không gương chiếu hậu đã qua sử dụng.

Qua điều tra xác định bị hại là chị T T N, sinh năm 1983 trú tại thôn M K, xã P T, chị Nga khai chiếc xe máy điện có đặc điểm như N M H đã khai là của gia đình chị mua năm 2014 với giá 13.000.000đ, đăng ký BKS 29MĐ1-12331 tên đăng ký là T T N, nhưng hiện tại đã mất biển kiểm soát, khoảng trước 7h sáng ngày 17/9/2019 chị N đi xe đi mua thức ăn sáng cho gia đình, khi về dựng ở trước cổng trường Mầm non P T I, khóa xe vẫn cắm trên ổ khóa của xe. Khoảng 7h50 cùng ngày chị N phát hiện mất xe.

Ngày 18/9/2019, N M H đến đầu thú tại Công an huyện T O và khai nhận hành vi của mình.

Ngày 18/9/2019, cơ quan CSĐT Công an huyện T O có Yêu cầu định giá tài sản số 40/CSĐT. Tại Kết luận định giá tài sản số 60/KL/ĐGTS ngày 7/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T O, kết quả: *01(Một) chiếc xe máy điện màu đỏ, không biển kiểm soát, trên thân xe có ký hiệu 133S có giá trị là 2.500.000đ(Hai triệu năm trăm ngàn đồng).*

Tại Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 15/10/2019 của Công an huyện T O, kết quả: *Biển số: 29MĐ1-12331 Chủ xe: T T N ở thôn M K, xã P T, huyện T O, ngày đăng ký 5/2/2016.*

Ngày 23/10/2019, cơ quan CSĐT Công an huyện T O trả chiếc xe máy điện là tang vật vụ án cho chị T T N.

Trước cơ quan điều tra bị cáo N M H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại cáo trạng số: 72/CT-VKS-HS ngày 14/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T O truy tố bị cáo N M H, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt: N M H mức án tù 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là ngày 19/9/2019.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Hùng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại T T N đã nhận lại chiếc xe máy điện và người liên quan trong vụ án là anh N V H không yêu cầu N M H bồi thường gì về trách nhiệm dân sự, nên đề nghị không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Cần buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền 1.500.000đồng thu lời bất chính do bán chiếc xe máy điện để sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng:* Cơ quan điều tra Công an huyện T O và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T O và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo H không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. *Về nội dung*: Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và nội dung bản cáo trạng, tang vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Ngày 17/9/2019 tại trước công trường Mầm non P T I thuộc thôn M K, xã P T, huyện T O, N M H đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của chị T T N đã lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy điện, ký hiệu 133S trị giá theo kết quả định giá là: 2.500.000đ.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T O truy tố bị cáo N M H, về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đã có tiền sự ngày 26/1/2019 bị UBND huyện C M ra quyết định xử phạt hành chính 750.000đ, về hành vi uống rượu bia say, có lời nói xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác (Chưa thi hành), nay lại phạm tội. Vì vậy, cần phải có mức hình phạt tù nghiêm đối với bị cáo để giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[3]. *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Bị cáo sau khi phạm tội đã đầu thú khai báo thành khẩn hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn hối cải; tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có công việc ổn định và không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại T T N đã nhận lại chiếc xe máy điện và người liên quan trong vụ án là anh N V H không yêu cầu N M H bồi thường gì về trách nhiệm dân sự, nên tòa không xét.

[6]. *Về xử lý vật chứng*:

Bị cáo H bán chiếc xe máy điện trộm cắp cho anh N V H được 1.500.000đồng và ăn tiêu hết. Nay, cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền thu lời bất chính là 1.500.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

[7]. *Về án phí*: Bị cáo phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án; bị cáo phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[8]. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định các Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về tội danh*: Tuyên bố **N M H**, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
2. *Về điều khoản áp dụng và hình phạt*:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **N M H: 09**(chín)tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 19/9/2019.

3. *Về xử lý vật chứng:* Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Buộc bị cáo H phải nộp lại số tiền 1.500.000 đồng tiền bán chiếc xe máy điện để sung quỹ Nhà nước.

4. *Về án phí:* Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo H phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo N M H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 27/11/2019. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND TP. Hà Nội ;
- VKSND huyện T O;
- CA huyện T O;
- THADS huyện T O;
- Bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN TIẾN HÙNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Hùng